TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **344**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 12 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Trần Thị Vân Anh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị B, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Lò Thị B và anh Bàn Văn L vắng mặt và đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn L tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 16/02/2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia

đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Bàn Văn L đã hết, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn L để giải phóng cho hai người đi tìm cuộc sống mới hạnh phúc của riêng mình.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Bàn Văn L có 02 con chung là cháu Bàn Thị Hồng Nh, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Bàn Thị Ngọc Kh, sinh ngày 24/10/2021. Kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh Linh nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Bàn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01 con chung/tháng, tổng cộng mức cấp dưỡng đối với 02 con chung là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi các con đủ trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung cũng không có vay nợ chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Bàn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị B tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 16/02/2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị Lò Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị B để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới của riêng mình.

- Về con chung: Anh và chị Lò Thị B có 02 con chung là cháu Bàn Thị Hồng Nh, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Bàn Thị Ngọc Kh, sinh ngày 24/10/2021. Kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành. Anh yêu cầu chị Lò Thị B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01 con chung/tháng, tổng cộng mức cấp dưỡng đối với 02 con chung là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi các con đủ trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung cũng không có vay nợ chung do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chị Lò Thị B thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bàn Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải không có lý do).

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án thực hiện thủ tục xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn L.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bàn Thị Hồng Nh, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Bàn Thị Ngọc Kh, sinh ngày 24/10/2021 cho anh Bàn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bàn Văn L với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/con/tháng, tổng mức cấp dưỡng đối với 02 con chung là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi các cháu Bàn Thị Hồng Nh và Bàn Thị Ngọc Kh đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho chị Bích do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bàn Văn L không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Lò Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bàn Văn L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bàn Văn L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị B thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bàn Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Bàn Văn L được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2020 trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 16/02/2022. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 5/2023 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, cả chị B và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh L đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Lò Thị B, anh Bàn Văn L có 02 con chung là cháu Bàn Thị Hồng Nh, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Bàn Thị Ngọc Kh, sinh ngày 24/10/2021. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con chung sống cùng anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn và yêu cầu chị Lò Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/con/tháng. Tổng mức cấp dưỡng đối với cả 02 con chung là 2.000.000đ/02 con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt chị Lò Thị B cũng nhất trí giao cả hai con chung cho anh Bàn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí cấp dưỡng đối với các con chung theo mức cấp dưỡng mà anh L yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả hai con chung là cháu Bàn Thị Hồng Nh và Bàn Thị Ngọc Kh cho anh Bàn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị Lò Thị B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/01 con/tháng. Tổng mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01/2024. Chị Lò Thị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Lò Thị B và anh Bàn Văn L cùng xác định trong quá trình chung sống chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Chị Lò Thị B và anh Bàn Văn L cùng xác định quá trình chung sống không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Lò Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bàn Văn L không phải nộp tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thị Hồng Nh, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Bàn Thị Ngọc Kh, sinh ngày 24/10/2021 cho anh Bàn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bàn Văn L với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/con/tháng. Tổng số tiền chị Lò Thị B phải cấp dưỡng đối với 02 con chung là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi các cháu Bàn Thị Hồng Nh và Bàn Thị Ngọc Kh đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án anh Bàn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị Lò Thị B chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lò Thị B.

- Bị đơn anh Bàn Văn L không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lò Thị B và bị đơn anh Bàn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã X (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 16/02/2022);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Hữu San